

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ IV NĂM 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1	2	3		
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1- Lợi nhuận trước thuế:	01		42,346,343,087	22,097,920,064
2- Điều chỉnh cho các khoản:			(5,135,494,528)	3,040,431,360
- Khấu hao tài sản cố định	02		9,666,331,108	9,808,358,892
- Các khoản dự phòng	03		-	2,931,100,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(1,102,876,866)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15,955,915,645)	(11,318,492,002)
- Chi phí lãi vay	06		1,154,090,009	2,722,341,336
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		37,210,848,559	25,138,351,424
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(4,204,145,434)	19,880,345,741
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(9,280,098,206)	(16,588,547,128)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		3,049,618,411	(6,051,875,032)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(474,240,623)	(1,974,083,777)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1,154,090,009)	(2,722,341,336)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,843,449,193)	(2,085,903,568)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	6,630,643,921
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,817,182,005)	(15,387,086,431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,487,261,500	6,839,503,814
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(14,249,455,358)	(34,254,829,290)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		169,761,904	16,819,942,636
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000	-
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(11,227,400,000)
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	2,107,280,000
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		564,550,900	273,545,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,505,142,554)	(26,281,461,654)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1- Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu, bán cổ phiếu quỹ	31		-	-
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(87,250,000)
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		140,925,106,781	169,964,028,111
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(122,773,632,370)	(164,178,059,323)
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,638,025,200)	(9,335,475,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7,513,449,211	(3,636,756,212)
Lưu chuyển tiền thuần trong kì	50		5,495,568,157	(23,078,714,052)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kì	60		18,482,415,921	39,647,720,150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,709,452,521	1,913,409,823
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kì	70		26,687,436,599	18,482,415,921

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trần Thị Mỹ Hạnh

Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Ân